

KẾT QUẢ NỘI KIỂM CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
(Áp dụng cho đơn vị sử dụng nước)

A. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên đơn vị sử dụng nước: Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam / Nhà máy tại Hồ Chí Minh.
2. Địa chỉ: Lô II-3 Đường CN 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Công suất bể chứa: Hệ 1=30 m³, Hệ 2= 40 m³ / Tổng số dân được cung cấp nước.
4. Tên đơn vị cấp nước: Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Dịch Vụ Tân Bình Tanimex – Tp.Hồ Chí Minh.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 07 năm 2026.
6. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Mẫu nước cấp sau xử lý ở bể chứa nước nhà máy Hồ Chí Minh hệ 1 lúc 09h30.

Mẫu 2: Mẫu nước cấp sau xử lý ở bể chứa nước nhà máy Hồ Chí Minh hệ 2 lúc 09h40.

Mẫu 3: Mẫu nước cấp tại van nước khu vực đóng gói máy cao tốc (phân xưởng gia vị soup Halal) lúc 10h00.

Mẫu 4: Mẫu nước cấp tại van nước khu vực phòng nấu dầu (phân xưởng gia vị dầu Halal) lúc 10h50.

Mẫu 5: Mẫu nước cấp tại van nước khu vực phòng trộn bột, phụ gia, chiết nghệ trong phân xưởng mì nhà máy HCM1, mã 1VP/HCM1 lúc 13h20.

Mẫu 6: Mẫu nước cấp tại van nước khu vực phòng trộn bột, phụ gia, chiết nghệ trong phân xưởng mì nhà máy HCM2, mã HCM2 lúc 13h00.

B. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu	Đơn vị tính	1	2	3	4	5	6	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
Các thông số										
Thông số nhóm A										
<i>a. Thông số vi sinh vật</i>										
1	Coliform tổng số	CFU/100 mL hoặc MPN/100mL	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	Đạt
2	<i>E. coli</i> hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL hoặc MPN/100mL	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	Đạt
<i>b. Thông số cảm quan và hoá học</i>										
3	Màu sắc	TCU	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	15	Đạt
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
5	pH	-	6,8	7,0	6,9	7,1	7,0	7,2	Trong khoảng 6,0-8,5	Đạt
6	Độ đục	NTU	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	2	Đạt
7	Asen (Arsenic) (As)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,01	Đạt
8	Clo dư tự do	mg/L	0,9	0,9	0,7	0,9	0,9	0,9	Trong khoảng 0,2- 1,0	Đạt
9	Permanganat	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	2	Đạt
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	1	Đạt
Thông số nhóm B										
1	Trực khuẩn mủ xanh (<i>Pseudomonas aeruginosa</i>)	CFU/100mL	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	Đạt
2	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>)	CFU/100mL	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	Đạt

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có)

Không có.

Đ. ĐỀ NGHỊ (nếu có):

Không có.

Tp.HCM, ngày 28 tháng 08 năm 2026
Nhà máy Hồ Chí Minh
 (Ký, ghi rõ họ tên)



Q326C082483
(MTTN26011638.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

27/07/2026

Trang/ Page: 1/4

- Tên mẫu
Name of sample : MẪU NƯỚC CẤP SAU XỬ LÝ Ở BỂ CHỨA NƯỚC NHÀ MÁY
HỒ CHÍ MINH HỆ 1
Ký hiệu mẫu: Nước cấp KCN Tân Bình
Địa chỉ lấy mẫu: Công ty CP Acecook VN – Nhà máy tại Hồ Chí Minh, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước đầu nguồn hệ 1.
Thời gian lấy mẫu / Sampling date: 9h30, 15/07/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04
- Niêm phong: niêm nhựa số KT3 63325 / Seal: plastic seal No. KT3 63325
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26011638 ngày 15/07/2026 / Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26011638 dated 15/07/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 15/07/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 15/07/2026 - 27/07/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM
Lô số II-3, Đường số 11, Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C082483
(MTTN26011638.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

27/07/2026

Trang/ Page: 2/4

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.2	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.3	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.4	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.5	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,8	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.6	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.7	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.8	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,9	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C082483
(MTTN26011638.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

27/07/2026

Trang/ Page: 3/4

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.10	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 15/07/2026. / Characteristics analyzed on site on 15/07/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT⁻⁰): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C082483
(MTTN26011638.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

27/07/2026

Trang/ Page: 4/4

- (⁰): Kết quả " < 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. /
The result " < 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / *Colony forming unit*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

QUATEST 3®

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C082483
(MTTN26011638.01.S1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

10/08/2026

Trang/ Page: 1/2

- Tên mẫu
Name of sample

: MẪU NƯỚC CẤP SAU XỬ LÝ Ở BỂ CHỨA NƯỚC NHÀ MÁY HỒ CHÍ MINH HỆ 1
Ký hiệu mẫu: Nước cấp KCN Tân Bình
Địa chỉ lấy mẫu: Công ty CP Acecook VN – Nhà máy tại Hồ Chí Minh, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước đầu nguồn hệ 1.
Thời gian lấy mẫu / Sampling date: 9h30, 15/07/2026
- Mô tả mẫu
Description

: Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.

 - Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
 - Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle
 - Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04
 - Niêm phong: niêm nhựa số KT3 63325 / Seal: plastic seal No. KT3 63325
 - Lấy mẫu tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26011638 ngày 15/07/2026 / Sampling according to record No MTTN26011638 dated 15/07/2026
- Số lượng mẫu
Quantity

: 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt

: 15/07/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration

: 29/07/2026 - 10/08/2026 ^(a)
- Nơi gửi mẫu
Customer

: CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM
Lô số II-3, Đường số 11, Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s)

: Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C082483
(MTTN26011638.01.S1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

10/08/2026

Trang/ Page: 2/2

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	< 1
7.2	Staphylococcus aureus	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization

- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation

- ^(c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

(a): Thử nghiệm bổ sung theo yêu cầu của khách hàng/ Testing according to additional customer requirements

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C082483
(MTTN26011638.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

27/07/2026

Trang/ Page: 1/13

1. Tên mẫu
Name of sample : MẪU NƯỚC CẤP SAU XỬ LÝ Ở BỂ CHỨA NƯỚC NHÀ MÁY
HỒ CHÍ MINH HỆ 2
Ký hiệu mẫu: Nước cấp KCN Tân Bình
Địa chỉ lấy mẫu: Công ty CP Acecook VN – Nhà máy tại Hồ Chí Minh, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước đầu nguồn hệ 2
Thời gian lấy mẫu / Sampling date: 9h40, 15/07/2026
2. Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, chai thủy tinh / Container: plastic bottle, glass vial
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 2 L x 01 + 1 L x 03 + 500 mL x 02 / Unit/sample: 5 L x 01 + 2 L x 01 + 1 L x 03 + 500 mL x 02
- Niêm phong: niêm nhựa số KT3 63330 / Seal: plastic seal No. KT3 63330
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26011638 ngày 15/07/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26011638 dated 15/07/2026
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 15/07/2026
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 15/07/2026 - 27/07/2026
6. Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM
Lô số II-3, Đường số 11, Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

Q326C082483
(MTTN26011638.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

27/07/2026

Trang/ Page: 2/13

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.2	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.3	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-	< 1
7.4	Staphylococcus aureus	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-	< 1
7.5	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.6	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,0	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.9	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C082483
 (MTTN26011638.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

27/07/2026

Trang/ Page: 3/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.10	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,9	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.11	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.12	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.13	Hàm lượng antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,02
7.14	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA 200.8	0,06	-	1,3
7.15	Hàm lượng bor tính chung cho cả borat và axit boric (B) Boron content (Boron and boric acid)	mg/L	US EPA 200.8	0,04	-	2,4
7.16	Hàm lượng cadmi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,003
7.17	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,01
7.18	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	27,6	-	250 hoặc 300
7.19	Hàm lượng crom (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,05
7.20	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1
7.21	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) Total hardness as CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340C:2023	46,5	-	300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C082483
(MTTN26011638.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

27/07/2026

Trang/ Page: 4/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.22	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,4	-	1,5
7.23	Hàm lượng kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2
7.24	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01	0,1
7.25	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	16,7	-	200
7.26	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,2
7.27	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,07
7.28	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,3	-	11
7.29	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01	0,9
7.30	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,3
7.31	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,04
7.32	Hàm lượng sulfate (SO ₄ ²⁻) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	23,6	-	250
7.33	Hàm lượng sunfua (S ²⁻) Sulfide content	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ D:2023	KPH	0,02	0,05

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C082483
(MTTN26011638.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

27/07/2026

Trang/ Page: 5/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.34	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002	0,001
7.35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	125	-	1.000
7.36	Hàm lượng xyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005	0,05
7.37	Hàm lượng 1,1,1-trichloroethane 1,1,1-trichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2.000
7.38	Hàm lượng 1,2-dichloroethane 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	30
7.39	Hàm lượng 1,2-dichloroethene 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	50
7.40	Hàm lượng carbon tetrachloride Carbontetra chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2
7.41	Hàm lượng dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5	20

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C082483
 (MTTN26011638.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

27/07/2026

Trang/ Page: 6/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.42	Hàm lượng tetrachloroethene Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.43	Hàm lượng trichloroethene Trichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	8
7.44	Hàm lượng vinyl chloride Vinyl chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,3
7.45	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	10
7.46	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.47	Hàm lượng pentachlorophenol Pentachlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2	9
7.48	Hàm lượng styrene Styrene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	20
7.49	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	700
7.50	Hàm lượng xylene Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	500
7.50.1	Hàm lượng o-xylene o-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.50.2	Hàm lượng (m+p) xylene m+p-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C082483
(MTTN26011638.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

27/07/2026

Trang/ Page: 7/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.51	Hàm lượng 1,2-dichlorobenzene 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	1.000
7.52	Hàm lượng monochlorobenzene Monochlorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.53	Hàm lượng tổng trichlorobenzene Total Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	20
7.53.1	1,2,3-trichlorobenzene 1,2,3 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.53.2	1,2,4-trichlorobenzene 1,2,4 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.53.3	1,3,5-trichlorobenzene 1,3,5 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.54	Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST3 1224:2024	KPH	0,1	0,5
7.55	Hàm lượng epichlorohydrin Epichlorhydrin content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,4
7.56	Hàm lượng hexachlorobutadiene Hexachlorobutadiene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,13	0,6

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C082483
(MTTN26011638.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

27/07/2026

Trang/ Page: 8/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.57	Hàm lượng 1,2-dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo -3-chloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	1
7.58	Hàm lượng 1,2-dichloropropane 1,2-dicloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.59	Hàm lượng 1,3-dichloropropene 1,3-dicloropropen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	20
7.60	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.61	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	90
7.62	Hàm lượng alachlor Alachlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.63	Hàm lượng aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10
7.64	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content	-	US EPA 536	-	-	100
7.64.1	Atrazine Atrazine	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.64.2	Atrazine-desethyl Atrazine-desethyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C082483
 (MTTN26011638.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

27/07/2026

Trang/ Page: 9/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.64.3	Atrazine-desethyl-desisopropyl Atrazine-desethyl-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	7	-
7.64.4	Atrazine-desisopropyl Atrazine-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.65	Hàm lượng carbofuran Carbofuran content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	5
7.66	Hàm lượng chlorpyrifos Chlorpyrifos content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5	30
7.67	Hàm lượng chlordane Chlordane content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	0,2
7.68	Hàm lượng chlorotoluron Chlorotoluron content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.69	Hàm lượng cyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2	0,6
7.70	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất DDTs content	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-	1
7.70.1	Hàm lượng 4,4'-DDD 4,4'-DDD content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.70.2	Hàm lượng 4,4'-DDE 4,4'-DDE content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.70.3	Hàm lượng 4,4'-DDT 4,4'-DDT content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C082483
(MTTN26011638.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

27/07/2026

Trang/ Page: 10/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.71	Hàm lượng dichlorprop (2,4-DP) Dichlorprop ((2,4-DP) content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	100
7.72	Hàm lượng fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.73	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	200
7.74	Hàm lượng isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.75	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.76	Hàm lượng mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10
7.77	Hàm lượng methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.78	Hàm lượng molinate Molinate content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	6
7.79	Hàm lượng pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3	20
7.80	Permethrin Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1	20
7.81	Hàm lượng propanil Propanil content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	20

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

BM105.02 VII (HT - 07/07/2025)

Q326C082483
(MTTN26011638.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

27/07/2026

Trang/ Page: 11/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.82	Hàm lượng simazine Simazine content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.83	Hàm lượng trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.84	Hàm lượng 2,4,6-trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13	200
7.85	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	4	10
7.86	Hàm lượng formaldehyde Formaldehyde content	µg/L	QUATEST3 1225:2024	KPH	100	500
7.87	Hàm lượng monochloramine Monochloramine content	µg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	20	3.000
7.88	Hàm lượng bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	26,7	-	60
7.89	Hàm lượng bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	100
7.90	Hàm lượng chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA 8260D	71,4	-	300
7.91	Hàm lượng dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	3,7	-	100

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C082483
(MTTN26011638.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

27/07/2026

Trang/ Page: 12/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.92	Hàm lượng dibromoacetonitrile <i>Dibromoacetonitrile content</i>	µg/L	US EPA 551.1	< 0,6 (LOQ)	0,2	70
7.93	Hàm lượng dichloroacetonitrile <i>Dichloroacetonitrile content</i>	µg/L	US EPA 551.1	5,6	-	20
7.94	Hàm lượng trichloroacetonitrile <i>Trichloroacetonitrile content</i>	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	1
7.95	Hàm lượng acid monochloroacetic <i>Monochloroacetic acid content</i>	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	20
7.96	Hàm lượng acid dichloroacetic <i>Dichloroacetic acid content</i>	µg/L	US EPA 552.3	32,8	-	50
7.97	Hàm lượng acid trichloroacetic <i>Trichloroacetic acid content</i>	µg/L	US EPA 552.3	52,8	-	200
7.98	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng <i>Gross alpha Radioactivity</i>	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02	0,1
7.99	Hoạt độ phóng xạ beta tổng <i>Gross beta Radioactivity</i>	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2	1

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C082483
(MTTN26011638.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

27/07/2026
Trang/ Page: 13/13

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 15/07/2026. / Characteristics analyzed on site on 15/07/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- (c): Kết quả " < 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result " < 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326C082483
(MTTN26011638.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

27/07/2026

Trang/ Page: 1/4

- Tên mẫu
Name of sample : MẪU NƯỚC CẤP TẠI VAN NƯỚC KHU VỰC PHÒNG TRỘN BỘT, PHỤ GIA, CHIẾT NGHỆ TRONG PHÂN XƯỞNG MÌ NHÀ MÁY HCM 01, MÃ 1 VP / HCM1.
Ký hiệu mẫu: Nước cấp KCN Tân Bình
Địa chỉ lấy mẫu: Công ty CP Acecook VN – Nhà máy tại Hồ Chí Minh, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.
Vị trí lấy mẫu: Van nước cấp vào khu vực phòng trộn bột, phụ gia, chiết nghệ trong phân xưởng mì nhà máy HCM 01, MÃ 1 VP / HCM1.
Thời gian lấy mẫu / Sampling date: 13h20, 15/07/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / *Unit/sample: 1 L x 04*
- Niêm phong: niêm nhựa số KT3 63884 / *Seal: plastic seal No. KT3 63884*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26011638 ngày 15/07/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26011638 dated 15/07/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 15/07/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 15/07/2026 - 27/07/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM
Lô số II-3, Đường số 11, Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

7. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

8. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

9. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

10. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

11. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

12. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C082483
(MTTN26011638.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

27/07/2026

Trang/ Page: 2/4

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.2	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.3	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.4	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.5	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,0	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.6	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.7	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.8	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,9	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C082483
(MTTN26011638.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

27/07/2026

Trang/ Page: 3/4

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.10	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 15/07/2026. / Characteristics analyzed on site on 15/07/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected

Q326C082483
(MTTN26011638.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

27/07/2026

Trang/ Page: 4/4

- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / *According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.*

- (0): Kết quả " < 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / *The result " < 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.*

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / *Colony forming unit*

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Nguyễn Hoàng Linh



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C082483
(MTTN26011638.03.S1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

10/08/2026

Trang/ Page: 1/2

- Tên mẫu**
Name of sample

: MẪU NƯỚC CẤP TẠI VAN NƯỚC KHU VỰC PHÒNG TRỘN BỘT, PHỤ GIA, CHIẾT NGHỆ TRONG PHÂN XƯỞNG MÌ NHÀ MÁY HCM 01, MÃ 1 VP / HCM1.
Ký hiệu mẫu: Nước cấp KCN Tân Bình
Địa chỉ lấy mẫu: Công ty CP Acecook VN – Nhà máy tại Hồ Chí Minh, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.
Vị trí lấy mẫu: Van nước cấp vào khu vực phòng trộn bột, phụ gia, chiết nghệ trong phân xưởng mì nhà máy HCM 01, MÃ 1 VP / HCM1.
Thời gian lấy mẫu / Sampling date: 13h20, 15/07/2026
- Mô tả mẫu**
Description

: Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / *Unit/sample: 1 L x 04*
- Niêm phong: niêm nhựa số KT3 63884 / *Seal: plastic seal No. KT3 63884*
- Lấy mẫu tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26011638 ngày 15/07/2026 / *Sampling according to record No MTTN26011638 dated 15/07/2026*
- Số lượng mẫu**
Quantity

: 01
- Ngày nhận mẫu**
Date of receipt

: 15/07/2026
- Thời gian thử nghiệm**
Testing duration

: 29/07/2026 - 10/08/2026 ^(a)
- Nơi gửi mẫu**
Customer

: CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM
Lô số II-3, Đường số 11, Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm**
Testing result (s)

: Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C082483
(MTTN26011638.03.S1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

10/08/2026

Trang/ Page: 2/2

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	< 1
7.2	Staphylococcus aureus	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- ^(c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit
- (a): Thử nghiệm bổ sung theo yêu cầu của khách hàng/ Testing according to additional customer requirements

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C082483
(MTTN26011638.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

27/07/2026

Trang/ Page: 1/4

- Tên mẫu**
Name of sample

: MẪU NƯỚC CẤP TẠI VAN NƯỚC KHU VỰC PHÒNG TRỘN BỘT, PHỤ GIA, CHIẾT NGHỆ TRONG PHẦN XỬNG MÌ NHÀ MÁY HCM 02, MÃ HCM2.
Ký hiệu mẫu: Nước cấp KCN Tân Bình
Địa chỉ lấy mẫu: Công ty CP Acecook VN – Nhà máy tại Hồ Chí Minh, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.
Vị trí lấy mẫu: Van nước cấp vào khu vực phòng trộn bột, phụ gia, chiết nghệ trong phần xửng mì nhà máy HCM 02, MÃ HCM2.
Thời gian lấy mẫu / Sampling date: 13h00, 15/07/2026
- Mô tả mẫu**
Description

: Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*

 - Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
 - Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
 - Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / *Unit/sample: 1 L x 04*
 - Niêm phong: niêm nhựa số KT3 63885 / *Seal: plastic seal No. KT3 63885*
 - Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26011638 ngày 15/07/2026 / *Sampling and on-site testing according to record No MTTN26011638 dated 15/07/2026*
- Số lượng mẫu**
Quantity

: 01
- Ngày nhận mẫu**
Date of receipt

: 15/07/2026
- Thời gian thử nghiệm**
Testing duration

: 15/07/2026 - 27/07/2026
- Nơi gửi mẫu**
Customer

: CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM
Lô số II-3, Đường số 11, Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm**
Testing result (s)

: Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C082483
(MTTN26011638.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

27/07/2026

Trang/ Page: 2/4



STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(*)	-	< 1
7.2	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(*)	-	< 1
7.3	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.4	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.5	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,2	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.6	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.7	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.8	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,9	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C082483
(MTTN26011638.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

27/07/2026

Trang/ Page: 3/4



STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.10	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 15/07/2026. / Characteristics analyzed on site on 15/07/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C082483
(MTTN26011638.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

27/07/2026

Trang/ Page: 4/4

- (c): Kết quả " < 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. /
The result " < 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / *Colony forming unit*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

QUATEST 3®

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C082483
(MTTN26011638.04.S1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

10/08/2026

Trang/ Page: 1/2

- Tên mẫu**
Name of sample

: MẪU NƯỚC CẤP TẠI VAN NƯỚC KHU VỰC PHÒNG TRỘN BỘT, PHỤ GIA, CHIẾT NGHỆ TRONG PHẦN XỬNG MÌ NHÀ MÁY HCM 02, MÃ HCM2.
Ký hiệu mẫu: Nước cấp KCN Tân Bình
Địa chỉ lấy mẫu: Công ty CP Acecook VN – Nhà máy tại Hồ Chí Minh, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.
Vị trí lấy mẫu: Van nước cấp vào khu vực phòng trộn bột, phụ gia, chiết nghệ trong phân xưởng mì nhà máy HCM 02, MÃ HCM2.
Thời gian lấy mẫu / Sampling date: 13h00, 15/07/2026
- Mô tả mẫu**
Description

: Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*

 - Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
 - Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
 - Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / *Unit/sample: 1 L x 04*
 - Niêm phong: niêm nhựa số KT3 63885 / *Seal: plastic seal No. KT3 63885*
 - Lấy mẫu tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26011638 ngày 15/07/2026 / *Sampling according to record No MTTN26011638 dated 15/07/2026*
- Số lượng mẫu**
Quantity

: 01
- Ngày nhận mẫu**
Date of receipt

: 15/07/2026
- Thời gian thử nghiệm**
Testing duration

: 29/07/2026 - 10/08/2026 ^(a)
- Nơi gửi mẫu**
Customer

: CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM
Lô số II-3, Đường số 11, Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm**
Testing result (s)

: Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C082483
(MTTN26011638.04.S1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

10/08/2026

Trang/ Page: 2/2

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	< 1
7.2	Staphylococcus aureus	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- ^(c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit
- (a): Thử nghiệm bổ sung theo yêu cầu của khách hàng/ Testing according to additional customer requirements

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Nguyễn Hoàng Linh

Phan Thành Trung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C082487
(MTTN26011640.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

23/07/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : Mẫu nước cấp tại van khu vực phòng đông gói máy cao tốc (phân xưởng gia vị soup Halal)
Thời gian lấy mẫu / Sampling date: 10h00, 15/07/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / *Unit/sample: 1 L x 04*
- Niêm phong: niêm nhựa số KT3 63882 / *Seal: plastic seal No. KT3 63882*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26011640 ngày 15/07/2026 / *Sampling and on-site testing according to record No MTTN26011640 dated 15/07/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 15/07/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 15/07/2026 - 23/07/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM
Lô số II-3, Đường số 11, Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC FOR DIRECTOR



PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C082487
(MTTN26011640.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

23/07/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.2	Mùi (HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.3	Độ pH (HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,9	-
7.4	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.5	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.6	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) (HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,7	-
7.7	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.8	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C082487
(MTTN26011640.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

23/07/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-

Ghi chú / Note:

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 15/07/2026. / Characteristics analyzed on site on 15/07/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- ^(c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

Q326C082487
(MTTN26011640.01.S1)**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**
TEST REPORT

10/08/2026

Trang/ Page: 1/2

1. Tên mẫu
Name of sample : **Mẫu nước cấp tại van khu vực phòng đóng gói máy cao tốc (phân xưởng gia vị soup Halal)**
Thời gian lấy mẫu / Sampling date: **10h00, 15/07/2026**
2. Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04
- Niêm phong: niêm nhựa số KT3 63882 / Seal: plastic seal No. KT3 63882
- Lấy mẫu tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26011640 ngày 15/07/2026 / Sampling according to record No MTTN26011640 dated 15/07/2026
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 15/07/2026
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 29/07/2026 - 10/08/2026 ^(a)
6. Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM**
Lô số II-3, Đường số 11, Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR**PHÓ GIÁM ĐỐC**
VICIE DIRECTOR

Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C082487
(MTTN26011640.01.S1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

10/08/2026

Trang/ Page: 2/2

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result
7.1	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)
7.2	Staphylococcus aureus	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)

Ghi chú / Note:

- ^(c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- (a): Thử nghiệm bổ sung theo yêu cầu của khách hàng/ Testing according to additional customer requirements

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C082487
(MTTN26011640.02.01.
1.R1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

24/08/2026

Trang/ Page: 1/3

Phiếu kết quả này thay thế cho phiếu kết quả số Q326C082487 (MTTN26011640.02) ngày 07/08/2026 ^(a)
This test report replaces the test report No. Q326C082487 (MTTN26011640.02) date 07/08/2026

- Tên mẫu
Name of sample : **Mẫu nước cấp tại van khu vực phòng nấu dầu (phân xưởng gia vị dầu Halal)**
Thời gian lấy mẫu / Sampling date: 10h50, 15/07/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / *Unit/sample: 1 L x 04*
- Niêm phong: niêm nhựa số KT3 63883 / *Seal: plastic seal No. KT3 63883*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26011640 ngày 15/07/2026 / *Sampling and on-site testing according to record No MTTN26011640 dated 15/07/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 15/07/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 15/07/2026 - 07/08/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM**
Lô số II-3, Đường số 11, Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C082487
(MTTN26011640.02.01.
1.R1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

24/08/2026

Trang/ Page: 3/3

Ghi chú / Note:

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 15/07/2026. / Characteristics analyzed on site on 15/07/2026
 - TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
 - US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency
 - SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
 - ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
 - KPH: Không phát hiện / Not detected
 - (c): Kết quả " < 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result " < 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.
 - CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit
- (a): Thay đổi tên mẫu theo email yêu cầu của khách hàng ngày 18/08/2026
Change as name of sample according to customer's email, date 18/08/2026
Khách hàng yêu cầu thay đổi thông tin sau/ The customer recommended to change information

Nội dung / Item	Ban đầu / Initial	Thay đổi / Change as
Tên mẫu Name of sample	Mẫu nước cấp tại van khu vực phòng nấu dầu (phân xưởng gia vị soup Halal)	Mẫu nước cấp tại van khu vực phòng nấu dầu (phân xưởng gia vị dầu Halal)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C082487
(MTTN26011640.02.01.
2.R1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

24/08/2026
Trang/ Page: 1/2

Phiếu kết quả này thay thế cho phiếu kết quả số Q326C082487 (MTTN26011640.02.S1) ngày 10/08/2026 ^(a)
This test report replaces the test report No. Q326C082487 (MTTN26011640.02.S1) date 10/08/2026

- Tên mẫu
Name of sample : **Mẫu nước cấp tại van khu vực phòng nấu dầu (phân xưởng gia vị dầu Halal)**
Thời gian lấy mẫu / Sampling date: 10h50, 15/07/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / *Unit/sample: 1 L x 04*
- Niêm phong: niêm nhựa số KT3 63883 / *Seal: plastic seal No. KT3 63883*
- Lấy mẫu tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26011640 ngày 15/07/2026 / *Sampling according to record No MTTN26011640 dated 15/07/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 15/07/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 29/07/2026 - 10/08/2026 ^(b)
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM**
Lô số II-3, Đường số 11, Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C082487
(MTTN26011640.02.01.
2.R1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

24/08/2026

Trang/ Page: 2/2

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method				
I	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis		TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)		
STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-
7.2	Staphylococcus aureus	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-

Ghi chú / Note:

- (c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. /
The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization

(b): Thử nghiệm bổ sung theo yêu cầu của khách hàng/ Testing according to additional customer requirements

(a): Thay đổi tên mẫu theo email yêu cầu của khách hàng ngày 18/08/2026

Change as name of sample according to customer's email, date 18/08/2026

Khách hàng yêu cầu thay đổi thông tin sau/ The customer recommended to change information

Nội dung / Item	Ban đầu / Initial	Thay đổi / Change as
Tên mẫu Name of sample	Mẫu nước cấp tại van khu vực phòng nấu dầu (phân xưởng gia vị soup Halal)	Mẫu nước cấp tại van khu vực phòng nấu dầu (phân xưởng gia vị dầu Halal)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.